**\*Hội họa, kiến trúc**

Văn bản – “không gian đa chiều kích”, nơi các văn bản hội tụ, đặc biệt khi biểu đạt thế giới bằng hình tượng, dấu ấn hội họa, kiến trúc - loại hình nghệ thuật thiên về đường nét, hình khối, màu sắc đã được xuyên thấm, hoán chuyển trong sự dung hợp của văn bản thơ đã làm nên những mảng đa sắc màu của hiện thực được phản ánh. Với niềm đam mê hội họa ngay từ nhỏ, sự tương tác của các văn bản nghệ thuật trong thơ Nguyễn Bình Phương là điều không tránh khỏi, qua đó thể hiện tư duy liên văn bản trong sáng tạo đã giúp nhà thơ thể hiện một cách sống động hiện thực sống và tâm hồn con người.

Thiên hướng hội họa được thể hiện khá rõ nét trong thơ Nguyễn Bình Phương ở việc xây dựng hệ thống các từ ngữ chỉ màu sắc. Bằng đôi mắt của nghệ sĩ thiên về trực cảm, trực giác và phản ánh hiện thực với lối viết “tự động” để làm bật lên những ấn tượng đậm nét của đời sống, nhà thơ đã biểu đạt một thế giới hình ảnh đa màu sắc trong thơ. Có vô số sắc màu được gọi về hiển hiện trên trang viết gợi nên những ám gợi sâu sắc cho người đọc trong cách tri nhận về thế giới. Đó là những xanh, đỏ, tím, vàng, đen, trắng, hung, lục, xám, nâu,…cùng những sắc độ riêng. Ở mỗi gam màu, nhà thơ đều khéo léo, tinh tế trong việc pha thêm những sắc thái cho nó để cùng một màu lại có vô số sắc. Chỉ với đen là *đen tuyền, đen óng mượt, đen chờn vờn, đen sừng sững, đen trong trẻo, đen loang lổ, đen ngùn ngụt, nhưng nhức đen*…, đỏ với: *đỏ mờ, đo đỏ, đỏ lang thang, đỏ trập trùng, khé đỏ, đỏ hoe, đỏ quạch, mong manh đỏ*…, xanh có: *xanh mơ màng, xanh rêu, xanh chói lọi, xanh khuây khỏa, ú ớ xanh, xanh quái đản, xanh như ngọc,…,* tím có các sắc độ: *tím bầm, lênh đênh tím, tím buồn và độc….* Như một bảng màu lóng lánh được phơi mình trên những vần thơ của Nguyễn Bình Phương và khiến người đọc bị lạc trong vườn sắc màu đó. Tuy nhiên, có thể thấy nhà thơ không hề phô diễn sắc màu mà dùng màu để nói về cuộc đời bằng những sắc độ của nó. Với không gian thơ được xây dựng bằng những nét mờ nhòe, gam màu chủ đạo để thể hiện thế giới thơ ấy chính là gam màu lạnh, trầm với xám, nâu, chàm, hung: “*Bãi tha ma Linh Sơn hoang vu/ Con Cậm cam rờn xám/ Cơn sốt dậy sắc hồng quái dị” (*Giờ sinh*); Thị xã nhỏ và xám/ Chợ mở phiên hai ba hai tám/ Nón lá trong veo” (****Thái Nguyên);*** *Nghe đám mây màu nâu/ Se sẽ cất giọng trầm khổ ải”* ***(Bước chân****); Một bầu trời mảnh dài sau cửa sổ kính nâu/ Lênh đêm tím như bóng người quái lạ” (****Về bằng lăng****).* Tất cả gợi về một thế giới xanh xao, nhợt nhạt, lạnh lẽo của núi rừng hay của những ngày đã qua ủ dột, trầm lặng, nhiều suy tư.

Nhưng trong thơ Nguyễn Bình Phương có khi hòa trộn đủ các gam màu thì bức tranh ấy vẫn không đủ sống động ấm áp, bởi khi đặt kề các màu sắc cạnh nhau nhà thơ đã sắc thái hóa, bào mòn, hạ tông cho những gam màu ấy trở nên tĩnh và buồn: “*Những ô vuông nho nhỏ ảo huyền/ Số phận mi nằm ở đó/ Đen thì đen chờn vờn/ Đỏ thì mong manh đỏ/ Vàng pha lam một cái bóng rùng mình/…Lừng lững đến/ Và trắng/ Lạnh/ Và im* (***Hỏi***); “*Người yêu tôi ngồi vẽ cho mình/ Rặng cúc tần xanh xanh buồn bã/ Buồn như giấc mơ cô ấy hôn người lạ/ Đuổi theo một dấu chân/… Những ngôi sao màu hung/ Quay mãi vòm lá héo”* ***(Mở lời).*** Hiện thực cất lời như nó vốn là trong sự héo úa, tàn rữa cùng những dự cảm bất an của lòng người về một thế giới phân rã, tàn tạ đầy lạnh lẽo. Nên những “lam, lục, trắng đen, đỏ”... không chỉ là màu sắc, mà còn là sự biểu hiện trạng thái trong thơ ông – mang tâm trạng con người: *“Lục khổ tâm/ Sáng kiêu kỳ/ Chàm quyền uy/ Nâu hoang dại/ Trong mưa trắng và đen ngự trị/ Đỏ lang thang vàng mơ mộng*” **(Màu).** Đặc biệt, Nguyễn Bình Phương đã phát hiện và ghi nhận hiện thực sống với sự đa bội trong sắc thái màu. Chỉ một từ “xanh” mà trong thơ của Nguyễn Bình Phương đã gợi nhiều cấp độ màu sắc, âm thanh, chiều sâu và cả tâm trạng: *“Thiếu phụ quay đi xanh mơ màng/ Bỏ lại hồ thẳm xanh/ Tiếng xanh” (***Tiếng lạ**). Những cung bậc sắc thái không thiếu phần đa dạng, phong phú trong đời sống hẳn phải được biểu lộ bằng hình hài nguyên ủy của nó trong thơ. Và nhà thơ – “kẻ thăm dò bí mật” tự nguyện chuyển thân trong hình hài đặc biệt – con mèo với bản năng hoang dã đã lùng sục trong đêm tối cùng những bước chuyển di thật nhẹ, soi đôi mắt dò tìm và phát hiện ra cái muôn vàn bí ẩn của hiện thực hắt ra từ những sắc màu: “*Như con mèo di chuyển trong đêm/ Ánh sáng đột ngột từ xa đến/ Thế giới những sắc màu lay động”* (***Màu***). Đó là màu của hiện thực, một hiện thực được cảm thấy, nhập thấy chứ không chỉ là nhìn thấy. Bởi thế, với màu sắc nhà thơ đã hiển lộ được đời sống tâm tư của con người với những cảm giác mơ hồ, mong manh, tinh diệu nhất.

Đặc biệt có sự sắp đặt liền kề một gam màu trong đoạn thơ đã tạo ra những hiệu ứng thẩm mĩ bất ngờ. Lấp lóa sắc vàng giăng trải với đủ cung bậc về một thế giới mênh mang chắp cánh cho trí tưởng tượng: “*Người vàng nhìn ra mặt bàn vàng mênh mông/ Phía trước giấy và thời gian ào ạt/ Bàn tay vàng cầm cây bút vàng non nắn nót: Bên cửa sổ em xem*” (***Lấp lóa sắc vàng***). Nhưng khi đứng trước hiện thực sống đầy bất toàn, nhà thơ sử dụng gam đỏ miên man: “*Nó đi trên những tiếng chuông/ Áo đỏ phất ngang trời/ Hoa bằng lăng đỏ/ Đỏ ngọn phi lao chiều/ Tháp rùa đỏ/ Phố đỏ”.* Hàng loạt sắc đỏ gợi cảm giác về cái đậm đà, chói gắt nhưng không thắm tươi. Nơi ấy - nơi không ánh sáng, lại có màu sắc của đỏ đưa tang, một cuộc mặc niệm về cõi sống nhuốm màu ám gợi như gợi nhắc về những mờ nhạt, tan biến của cuộc đời phù vân. Trong thơ Nguyễn Bình Phương, sắc đỏ trở đi trở lại nhiều lần và còn là tín hiệu của những dự cảm bất an: “*Các chấm đỏ lại nôn nao ẩn hiện/ Trong đường cua quái đản/ Lấp lánh theo dọc dải Ngân Hà/ Em lộng lẫy sau xe như tích tắc cuối cùng của mùa hạ” (Xe máy);* và điềm báo về những xáo động dữ dội của miền hiện thực “*Nhìn thật kĩ hàng cây thành đỏ/ Màu đỏ giăng trập trùng ngang trời” (****Đêm ngà ngà).***

Cùng với màu sắc được tri nhận từ bên ngoài là sự thiết lập cấu trúc bên trong của không gian. Cách thiết lập không gian thơ của Nguyễn Bình Phương thật đặc biệt với mỗi câu thơ, mỗi hình ảnh là từng mảnh, tìm cách gắn chặt với nhau thì vỡ nhưng khi nhìn ở bề mặt tổng thể thì lại liên kết chặt chẽ ở tầng sâu logic với vùng trung tâm bị hóa giải. Đó là kiểu tư duy lập thể được vận dụng trong thơ mà Nguyễn Bình Phương ở phần hữu thức hoặc vô thức kiến tạo nên tạo ra những hiệu quả thẩm mĩ và khơi gợi sức vẫy gọi lớn từ người đọc. Đọc thơ Nguyễn Bình Phương, người đọc như được dạo trên một bức tranh mà mỗi hình ảnh đặt kề nhau tưởng như không ăn nhập gì, ngay giữa những khoảng trống khi người xem đi tìm điểm khớp nối của chúng sẽ tự họa nên một thế giới trong trí tưởng tượng của riêng mình:

“*Ừ nai kêu, nai kêu tận máu*

*Trách làm chi*

*Rừng ẩm*

*Sương mù*

*Sau mái lán một đốm vàng dần nhú*

*Và tiếng trăng va xuống cỏ mơ màng*

*Và lẳng lặng…”*

(***Ở Định Hóa***)

Đó chẳng khác gì một bức tranh thiên nhiên với vài nét chấm phá, câu chữ ít, khoảng trống lại nhiều, mỗi hình ảnh đặt ở vị trí “giữ chỗ” và để bề trong, bề sâu nó tự phát sáng. Cái lãng đãng, mơ màng của cảnh làm nền cho sự vận động êm nhẹ đột phát của “một đốm vàng mới nhú”, vầng trăng trong đêm, một sự xuất hiện và nghe trong không gian bí huyền thanh âm của “tiếng trăng va xuống cỏ mơ màng” đã đánh thức trong chúng ta về sự nhạy cảm của tâm hồn.

Cùng với đó là sự “nhảy cóc”, đứt đoạn, đặt kề nhau của các hình ảnh vốn xa nhau tạo nên bố cục hỗn loạn, thiếu đồng nhất và khó quy về một mạch liên kết nào trên bề mặt văn bản: “*Người yêu tôi ngồi cạnh con mèo/ Cạnh một ánh trăng/ Cả ba ho húng hắng”.* Trên mặt không gian, sự xuất hiện ba hình ảnh – ba đối tượng không thuộc cùng trường liên tưởng vậy mà cứ xuất hiện đồng thời gây ra những khó hiểu cho người đọc. Nguyễn Bình Phương muốn nói gì qua sự “cạnh nhau” đó của ba đối tượng? Mỗi một hình ảnh, mỗi một mảnh ghép, tự nó không làm nên hình tượng nhưng khi nối ghép chúng vào trong trật tự của trí tượng tượng liền hiển hiện một sự liên kết ngầm vô cùng chặt chẽ. Đó là gì ngoài sự tương giao cuả những đối tượng mà bản thân của âm động “ho húng hắng” chính là điểm gặp gỡ, khi ấy cái khác biệt đã bị xóa mờ, chỉ còn là sự vô ngại, vượt qua mọi giới hạn của điểm biên mà tìm đến nhau để cùng hòa hợp.

Đồng thời, những hình ảnh thơ có sự chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác tạo nên kết cấu rất khó cắt nghĩa trên bề mặt có được từ tư duy lập thể: *“Thế rồi đất xám làm cây ngã/ Lũ trẻ nhọc nhằn hóa bướm đêm/ Ô tô bỏ chạy sau đuôi ngựa/ Già lão ngồi chờ mẹ trong vườn* (***Khảo dị);*** “*Một ngôi sao bâng quơ/ Mọc bên vạt áo trái/ Hoa tóc tiên thơ thẩn dọc hàng rào/ Ngày nào em nhìn ta huyền ảo/ Trong ký ức người điên/ Đêm đêm lửa chập chờn tìm kiếm/ Những bức tường màu lam/ Ngoài chân trời một rừng mây tàn úa”* ***(Tâm trạng ngày…).*** Đọc thơ Nguyễn Bình Phươngnếu dán toàn bộ điểm nhìn vào một vài thi ảnh thì sự hiểu sẽ bị “đóng băng”, chỉ khi tìm ra mối nối của nó trong cái bố cục toàn thể thì sự tri nhận mới được khai tường. Có thể nói, những hình ảnh được nhà thơ chọn là “mũi đột phá” (Mai Văn Phấn) sau khi hoàn thành nhiệm vụ “giữ chỗ” đã tạo ra khoảng không mới, nhiều lạ lẫm. Chúng xuất hiện làm đảo lộn khoảng không và vây lấy những hình ảnh tưởng như bất động trước đó để tạo sinh những ý nghĩa biểu đạt mới và gợi về một thế giới sống động khác.

Cùng với đó, hiện thực được phản ánh trong thơ Nguyễn Bình Phương thường ẩn hiện, không rõ nét bởi nhà thơ đã chủ ý “uốn cong” bề mặt làm cho phân tán, lu mờ. Đó là không gian thơ ít gai góc sắc nhọn, được uốn vặn thay vì bị bẻ gập, đứt đoạn như một số nhà thơ hiện đại khác vẫn thiết lập. Chúng như một vòm cây có gió, một mái đình trong sương, hay một đám mây chiều vừa bay vừa phân rã. Để thiết lập không gian độc đáo đó, Nguyễn Bình Phương đã “vận dụng lối kiến trúc hài hòa và tinh tế của phương Đông, kết hợp với cách tạo hình trong không gian ba chiều của chạm lộng - một nghệ thuật điêu khắc dân gian của người Việt” [Thi pháp không gian trong thơ NBP, MVP]. Với lối tư duy của nghệ thuật điêu khắc dân gian, Nguyễn Bình Phương đã tạo nên sự chồng chéo của nhiều lớp thi ảnh làm mất cảm giác về nền vốn có của không gian: “*Làng bao nhiêu gò đất/ Dáng nhà nằm thiếp dưới hơi trăng/ Điều gì kia/ Trú trớ/ Rùng mình/ Khuya khoắt thế còn lội ngoài đồng vắng/ Vệt lân tinh nhẹ bẫng”* (***Làng Phan***); “*Kia bông hoa nức nở trong yên tĩnh/ Trăng hoang vu lượn sóng triền đồi/ Kia chiếc lá chót cành hơi thở cuối/ Run lên trời không mây”* (***Biền biệt***); “*Bên này sông sát mép ánh trăng/ Nhiều bà già ôm mèo ngồi trò chuyện/ Họ không nhìn đoàn tàu mang tang/ Mặt nước run run vết chân mờ sáng”* (***Đi đêm (II), “****Qua nét nhòa ô cửa/ Những giọng nói một cái lá cũng nhòa/ Mình ngờ dòng sông sắp hết****” (Bài thơ này đang ốm).***

Thế giới thơ gợi lên như một bức tranh lụa, một mái đình điêu khắc với đường vân ẩn chìm đã gợi về một thực tại mờ nhòa, mông lung. Một cảnh ngày đông, một phiên chợ núi cũng được gợi lại với những hình ảnh lảng bảng sương mù: *“Những quả đồi lơ mơ tối/ Lơ mơ vạt cỏ gianh/ Ngôi nhà rét/ Chiếc giếng cần cong queo/…“Ngoài chuồng trâu vọng tiếng cọ sừng/ Một người nựng con/ Phát con/ Rồi ru/ Một người xách đèn đi vào sương mù”* (***Ngày đông);*** *“Qua thung lũng dập dềnh lảng bảng/Họ bình tâm dấn tới ánh đèn vàng/Nơi mỗi chúng ta run rẩy bước vào đêm/Cùng cây sa mu bị siết cổ/Bước chân sốt ruột trên đầu”* **(Chợ núi).** Khoảng không của các hình ảnh là sự im lặng tịt mù nhưng không hề tĩnh tại, tiếng vọng của đêm làm dấy lên hiện thực ẩn nhẫn của những cựa quậy mang sự sống và hình ảnh con người trở nên bí ẩn với hành trình sống đầy bất an “đi vào sương mù”. Đêm mở ra và sự sống không dừng lại, con người trong kiếp nhân sinh luôn phải đối diện với muôn vàn trống trải, hiểm nguy rập rình. Và dưới lớp khoác hờ của đêm, ẩn chìm dưới cái vỏ không gian nhạt nhòa, mông lung, khi được vén lớp màn sương, cuộc sống đã trình diện với những góc khuất lổn nhổn của nó. Đó khác gì những đường vân chạm khắc bị ẩn mờ đi dưới bàn tay điêu khắc tài ba của người nghệ sĩ dân gian. Theo đó, các sự vật tồn tại trong không gian đa chiều với sự tương phản sáng – tối, và sự liên hệ của nó là vạn mối vừa phân rã, xô lệch, chuyển hóa cho nhau.

Tư duy liên văn bản trong sự chuyển hóa, tương tác giữa các loại hình nghệ thuật đã giúp nhà thơ tái thiết trật tự thế giới với những gì tiềm tàng, âm ỉ bên trong nét nhợt nhạt, lờ mờ của hiện thực sống. Bằng sự phối kết yếu tố hội họa, kiến trúc trong thơ, Nguyễn Bình Phương đã tạo ra hiệu quả cảm thụ văn bản vừa cởi mở, thông thoáng, đa chiều, vừa đảm bảo cấu trúc bền vững vừa hướng đến những lối tưởng tượng mới mẻ, đầy sáng tạo. Yếu tố “đa trị”, “đa bội” của văn bản do đó không phải là nó mang nhiều nghĩa mà là sự phát tán, xuyên vị để dẫn nối tiếp đến văn bản được viết tiếp từ người đọc trong muôn vàn cách đọc liên văn bản: “Văn bản không phải là cái đang tồn tại đồng thời từ những gì được hiểu, mà là sự chuyển dời, xuyên qua; nó trả lời không phải cho một diễn giải hay chỉ cho một tự do diễn giải mà là cho một sự bùng nổ, cho một sự phát tán. [Thi pháp chủ nghĩa hậu hiện đại, tr.179]